

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 13-02-2018

V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Viết Thanh.

2. Ông Trần Văn Hải.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 13 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 620/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2017, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Tấn P, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ 16, ấp Đông T, xã Tân Th, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Võ Thị Đ, sinh năm 1965 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ 16, ấp Đông T, xã Tân Th, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13-12-2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Tấn P trình bày:

Về hôn nhân: Anh P và chị Đ kết hôn năm 1992, không có đăng ký kết. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống; chị Đ dùng tiền chung mua nền nhà, mua xe, mượn đất mà không bàn bạc với anh P, đến khi anh phát hiện thì chị Đ nói là tài sản đó là của chị Đ vay Ngân hàng, vay Công đoàn nơi chị Đ làm việc và mượn chị em bên chị Đ, không phải là tiền chung của vợ chồng và chị Đ hứa sẽ khắc phục nhưng chị Đ vẫn không sửa đổi. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, anh yêu cầu được ly hôn với chị Đ.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị B, sinh ngày 07-11-1993. Hiện nay con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung:

1. Đất: Diện tích 186,3m² thuộc thửa 667, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp 4, xã Hưng T, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Anh P yêu cầu chia đôi và yêu cầu được nhận bằng giá trị.

2. Tiền gửi tiết kiệm tại Quỹ tín dụng nhân dân xã Tân Th là 40.000.000 đồng. Anh P yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ số tiền này là 20.000.000 đồng.

Ngày 23-11-2018, anh P có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tài sản chung, để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại văn bản ý kiến ngày 13-01-2018 và tại phiên tòa bị đơn chị Võ Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị thống nhất như lời trình bày của anh P về thời gian chung sống của vợ chồng và những mâu thuẫn của vợ chồng.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị B, sinh ngày 07-11-1993. Hiện nay con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn Tấn P và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn chị Võ Thị Đ có địa chỉ tại xã Tân Th, thành phố C, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh P và chị Đ chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian vợ chồng chung sống thì không được hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, tình cảm vợ chồng không còn nên từ năm 2016 cho đến nay anh P, chị Đ đã không còn sống chung. Nay anh P yêu cầu được ly hôn với chị Đ, chị Đ cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh P.

Xét yêu cầu của anh P yêu cầu được ly hôn với chị Đ. Hội đồng xét xử xét thấy, anh P và chị Đ chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1992 nhưng anh, chị không tuân thủ về đăng ký kết hôn mà Luật Hôn nhân và gia đình đã quy định, nên hôn nhân của anh P, chị Đ không phải là hôn nhân hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình thì không có giá trị pháp lý.

Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Tấn P với chị Võ Thị Đ.

[4] Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống anh P và chị Đ có sinh được 01 con chung tên Nguyễn Thị B, sinh ngày 07-11-1993. Hiện nay con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Đối với yêu cầu của anh P, mặc dù tại đơn khởi kiện đề ngày 13-12-2017 anh P đã yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng đến ngày 23-11-2018 anh P có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tài sản chung không yêu cầu giải quyết để vợ chồng tự thỏa thuận, đồng thời bị đơn chị Võ Thị Đ cũng thống nhất không yêu cầu Tòa giải quyết và Quỹ tín dụng nhân dân xã Tân Thuận Tây không có văn bản ý kiến. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của anh P về chia tài sản chung; nếu sau này anh P, chị Đ khởi kiện lại đối với tài sản chung của vợ chồng và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác. Anh P không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[6] Về nợ chung: Anh P và chị Đ đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí mà anh đã nộp. Trả lại số tiền 1.250.000 đồng cho anh P tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung.

Chị Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Tấn P với chị Võ Thị Đ.

- Về con chung: đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của anh Nguyễn Tấn P về việc yêu cầu chia tài sản chung.

- Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng anh P đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000204 ngày 29 tháng 12 năm 2017; anh P được nhận lại số tiền 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) anh P đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000205 ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Võ Thị Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- CCTHA TPCL;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA(D).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Huỳnh Thị Thơm